TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 169/2018/DS-PT Ngày 30- 10 - 2018 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2018/QĐ - PT ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1981, có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2018)

Bị đơn: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1960, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Võ Đức M, sinh năm 1985, vắng mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2018)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1935.
2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1936

Người đại diện theo ủy quyền của ông A, bà M là ông Võ Ngọc T, sinh năm 1960, có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2018)

3. Chị Võ Phương T, sinh năm 1983
4. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1980

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, ông T là ông Võ Đức M, sinh năm 1985, vắng mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2018)

5. Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1959, có mặt.
6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 là ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1981, có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Ngọc A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng K là Luật sư Phạm Hoài Duy T - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện T

Người kháng cáo:

Bị đơn Võ Ngọc Thạch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Võ Ngọc Ẩn, Nguyễn Thị Màng, Nguyễn Thị Hồng Khoa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2015 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K đồng thời đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H trình bày: Ông có thửa đất số 454, tờ bản đồ số 1, diện tích 1000 m^2 tọa lạc ấp

R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/10/1990, theo dự án VLAP thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 5 diện tích 1.086,8 m^2. Trong thời gian trước khi làm đường tỉnh 907 ông có cho gia đình bị đơn Võ Ngọc T khai nước nhờ và đi nhờ qua phần đất của ông, ông T lấn chiếm phần đất của ông, đến khi làm đường tỉnh 907 thì ông T nhận luôn số tiền bồi thường đất diện tích 85 m^2 đồng thời ông T xây dựng nhà trái phép trên phần đất của ông diện tích khoảng 23,73 m^2. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Võ Ngọc T có nghĩa vụ trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế 27,5 m^2 thuộc tách thửa 106-1 (thửa cũ 454-1) và trả lại số tiền bồi thường thu hồi đất diện tích 85 m^2 bằng 13.940.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Võ Ngọc T đồng thời đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Ngọc A và Nguyễn Thị M trình bày: Phần đất mà ông K tranh chấp với ông thuộc thửa 454 diện tích 27,5 m^2 nguồn gốc phần đất này là của nội ông để lại cho cha ông Võ Ngọc A canh tác từ trước năm 1975 không ai tranh chấp hiện ông đã được đứng tên theo chương trình VLap. Trước đây ông K đã nhiều lần gặp ông để yêu cầu chia lại lối đi trên phần đất này nhưng ông không đồng ý mà ông chuyển nhượng luôn cho ông K số tiền 15.000.000đ ông K không đồng ý chuyển nhượng. Nay ông K yêu cầu tháo dỡ căn nhà tạm trả lại diện tích theo đo dạc thực tế 27,5m^2 thuộc tách thửa 106-1 đồng thời trả số tiền bồi thường thu hồi đất 13.940.000đ ông không đồng ý.

Trong bản khai ý kiến ngày 09/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng K trình bày: Bà là vợ ông Võ Ngọc T, bà không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong biên bản hòa giải ngày 28/3/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Phương T đồng thời đại diện cho anh Nguyễn Chí T trình bày: Vào tháng 4/2015 chị và anh T có xây căn nhà tạm để bán quán trên phần đất ông Võ Ngọc T, nay chị và anh T đứng về phía ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo văn bản số 1575 ngày 06/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện T xác định:

Theo chương trình đất năm 1990 thửa 454 do ông Nguyễn Văn K đứng tên kê khai đăng ký ngày 25/7/1990 ông K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/10/1990, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2012 ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H đăng ký cấp đổi, cấp lại theo dự án Vlap và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2016 tại thửa 106, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.086,8 m^2. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng theo quy định của pháp luật.

Phần đất thu hồi 85 m^2 do ông Nguyễn Văn K đứng tên nhưng thực tế phần đất trên do ông Võ Ngọc A quản lý sử dụng và được bồi thường và hỗ trợ số tiền 13.940.000 đồng do ông Võ Ngọc A nhận ngày 14/4/2009.

Ngày 10/7/2017 tiến hành khảo sát đo đạc phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của các đương sự thể hiện như sau:

Phần đất tranh chấp thuộc tách thửa 106-1 (thửa cũ 454-1) diện tích 27,5m^2 do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Hiện trạng phần đất tranh chấp có một căn nhà tạm chị T, anh T xây dựng bán quán, một phần căn nhà xây dựng trên tách đường tỉnh 907 diện tích 29,1 m^2, phần căn nhà còn lại nằm trên phần đất tranh chấp 27,5 m^2.

Theo văn bản số 15/HĐ-ĐGTSTTDS ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tố tụng dân sự huyện T xác định:

Giá trị đất tranh chấp: 6.187.500 đồng

Giá trị nhà và vật kiến trúc: 35.885.000 đồng

Tổng cộng 42.072.500 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T xử, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, các điều 244,157, 165, 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 256, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai; Điều 29 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2010; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ, Khoản 1, Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về yêu cầu ông Võ Ngọc T trả lại số tiền bồi thường.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

Hủy một phần Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho ông Võ Ngọc A để thu hồi đất xây dựng công trình đường Tỉnh 907, đối với phần đất diện tích 85 m^2 thuộc tách thửa 454 do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bị đơn Võ Ngọc T, chị Võ Phương T, Nguyễn Chí T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà tạm trả lại diện tích đất 27,5 m^2 thuộc tách thửa 106-1 (454-1), tờ bản đồ số 5(1) cho Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị H sử dụng, phần đất tọa lạc ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 21/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường kèm theo.

Buộc ông Võ Ngọc A trả lại số tiền bồi thường 13.940.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H sở hữu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/4/2018 bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho chúng tôi được quyền sử dụng đất diện tích 25,7m^2 và được hưởng số tiền 13.940.000 đồng tiền bồi hoàn quyền sử dụng đất thuộc thửa số 454, đất tọa lạc tại ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26/8/2018 ông Võ Ngọc T có nộp đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Ngày 19/9/2018, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định:

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thuộc thửa 106 (454), tờ bản đồ số 05 (01). Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ thì hình thể kích thước và diện tích phần đất tranh chấp đúng với trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 23/8/2017 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện T.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn Nguyễn Văn K có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân H và bị đơn Võ Ngọc T có mặt chứng kiến và thống nhất kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên là đúng với trích đo bản

đồ hiện trạng khu đất ngày 23/8/2017 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện T và không có thay đổi so với kết quả khảo sát, đo đạc tại cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho chúng tôi được quyền sử dụng đất diện tích 25,7m^2 và được hưởng số tiền 13.940.000 đồng tiền bồi hoàn quyền sử dụng đất thuộc thửa số 454, đất tọa lạc tại ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến: Căn cứ kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở bởi vì, thực tế phần đất tranh chấp ông T đã sử dụng liên tục, nhưng chỉ thiếu sót là không có kê khai đăng ký. Việc ông K kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất là chưa phù hợp, vì khi ông K kê khai và được cấp quyền sử dụng đất thì ông T là người quản lý sử dụng, khi đo đạc thực tế thì ông K là người cấm ranh, ông K cũng có ý kiến mua lại lối đi, tức là thừa nhận đất tranh chấp là của ông T. Khi ông A nhận tiền bồi thường thì phía gia đình ông K cũng không tranh chấp, đồng thời diện tích đất theo chương trình đất ma ông K được cấp quyền sử dụng đất là 1000m^2, nhưng hiện nay theo chương trình Vlap thì phía ông K được cấp diện tích là 1.086m^2. Do đó,chứng minh đây là đất của ông T sử dụng ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của bị đơn Võ Ngọc T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Ngọc A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng K; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của ông Võ Ngọc T, ông Võ Ngọc A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng K không căn cứ. Bởi lẽ, theo chương trình đất năm 1990 thửa 454 tờ bản đồ số 01, diện tích là 1.000m^2, loại đất vườn, phần đất tọa lạc tại ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn K đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/10/1990,

theo dự án VLAP thuộc 106, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.086,8m^2. Theo công văn số 1575/UBND-NC ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL 136) thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Đồng thời, những người biết rõ nguồn gốc đất là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, ông Lưu Minh T và bà Võ Thị H đều xác định phần đất này là của ông K vì trước đây là của cụ Võ Thị P (bà nội ông K) sử dụng, vào khoảng năm 1970 đến 1973 bà H và ông T có thuê phần đất này của cụ P để canh tác, khi cụ P mất thì ông H (cha ông K) cho phần đất này lại cho ông K sử dụng cho đến nay (BL 234-235)

Đối với phần thu hồi diện tích 85m^2 được thu hồi theo quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 19/02/2009 do ông Khoa đứng tên, nhưng thực tế ông A quản lý sử dụng và quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho ông Võ Ngọc A và ông A ủy quyền cho ông T nhận tiền 13.940.000 đồng (trong đó, bồi thường về đất 10.200.000 đồng, hỗ trợ 3.740.000 đồng) ngày 14/4/2009. Do ông K không được Ủy ban nhân dân huyện T thông báo về việc thu hồi và xác định nguồn gốc đất nên không thể thực hiện quyền khiếu nại theo Điều 39 Luật đất đai 2003, Điều 52, Điều 53, Điều 55 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Như vậy, phần đất thu hồi 85m^2 thuộc chiết thửa 454 do ông K đứng tên quyền sử dụng đất ngày 27/10/1990, nhưng UBND huyện T đã bồi thường tiền thu hồi đất cho ông Võ Ngọc A là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải hủy một phần quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho ông Võ Ngọc A đối với phần diện tích đất thu hồi 85m^2 thuộc chiết thửa 454, tọa lạc ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để buộc ông Võ Ngọc A trả lại số tiền bồi thường bồi thường 13.940.000 đồng cho ông K là có cơ sở.

Đối với phần đất diện tích 27,5m^2 thuộc thửa 106-1 (thửa cũ 454-1) trên đất có căn nhà tạm của ông T, chị T, anh T xây dựng thì tại công văn số 601 ngày 12/5/2017 của Sở giao thông vận tải Vĩnh Long xác định"việc anh T, chị T xây dựng nhà tạm trên phần đất đã thu hồi nằm trong hành lang an toàn đường bộ, ngày 21/5/2015 Hạt quản lý đường bộ số 3-Trung tâm quản lý và sửa chữa CTGT Vĩnh Long có phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã S tiến hành lập biên bản đình chỉ xây dựng và đề nghị tháo dỡ" và theo báo cáo số 256 ngày 08/9/2017 của phòng tài nguyên môi trường huyện T thì phần đất 27,5m^2 thuộc

thửa 106-1(454) của ông K. Do đó, việc ông T cho anh T, chị T xây dựng nhà tạm để bán nước giải khát nằm trên hành lang an toàn đường bộ là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải buộc ông T, anh T, chị T di dời căn nhà để trả phần đất cho ông K theo kết quả đo đạc thực tế thuộc tách thửa 106-1, diện tích 27,5m^2.

Như vậy, bản án sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 18/4/2018 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đúng căn cứ pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng K không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm ông T, ông A, bà M, bà K kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, ông A, bà M, bà K phải chịu án phí theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông A và bà M thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Nguyễn Văn K và bị đơn Võ Ngọc T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét

đơn kháng cáo của bị đơn Võ Ngọc Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Ngọc A, Nguyễn Thị M, Võ Phương T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thị H là còn trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho chúng tôi được quyền sử dụng đất diện tích 25,7m^2 và được hưởng số tiền 13.940.000 đồng tiền bồi hoàn quyền sử dụng đất thuộc thửa số 454, đất tọa lạc tại ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[3] Xét nguồn gốc đất tranh chấp thuộc tách thửa 106-1 (thửa cũ 454-1) có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn H (cha ông K), năm 1972 ông H giao phần đất này cho cụ Võ Thị P (bà nội ông K) sử dụng, cụ P cho Nguyễn Văn K sử dụng vào khoảng năm 1982, đến ngày 25/7/1990 ông K kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến ngày 27/10/1990 ông K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/4/2012 ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H đăng ký cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2016 tại thửa 106, tờ bản đồ số 5 diện tích 1.086,8 m^2. Tại Công văn số số 1575 ngày 06/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện T xác định "Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là đúng trình tự, thủ tục luật định". Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K phù hợp lời khai ông K và những người biết sự việc như ông Nguyễn Văn T, ông Lưu Minh T và bà Võ Thị H là những người từng trực tiếp canh tác đất này và khẳng định phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông K.

[4] Xét tại cấp sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về yêu cầu ông Võ Ngọc T trả lại số tiền bồi thường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K. Hủy một phần Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho ông Võ Ngọc A

để thu hồi đất xây dựng công trình đường Tỉnh 907, đối với phần đất diện tích 85 m^2 thuộc tách thửa 454 do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn Võ Ngọc T, chị Võ Phương T, Nguyễn Chí T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà tạm trả lại diện tích đất 27,5 m^2 thuộc tách thửa 106-1 (454-1), tờ bản đồ số 5(1) cho Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị H sử dụng. Buộc ông Võ Ngọc A trả lại số tiền bồi thường 13.940.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H sở hữu là phù hợp theo quy định của pháp luật bởi lẽ các đương sự xác định phần đất tranh chấp trước đây là lối đi gia đình ông K, ông T có sử dụng đi trên lối đi ra phần đất canh tác và phần ao chạy cặp theo đê bao, phía nguyên đơn có sử dụng phần ao để phục vụ tưới tiêu cho đồng ruộng, phía ông T có trồng đậu trên đất này nhưng chỗ bà con dòng họ nên không tranh chấp gì. Phía ông A, ông T sử dụng đất nhưng qua các chương trình đất phía ông A và ông T không kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do ông K kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông K có canh tác trên đất này làm lối đi và sử dụng nước ao để tưới tiêu đồng ruộng. Ngoài lời trình bày ra ông A, ông T không có tài liệu chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông A, ông T.

Cho nên, từ những căn cứ trên đủ cơ sở giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T.

[5] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự: Bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc A và bà Phạm Thị M là người cao tuổi và bà Nguyễn Thị Hồng K là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

về án phí và lệ phí Tòa án nên án phí phúc thẩm ông A, bà M, bà K được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Ngọc A, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, các điều 244,157, 165, 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 256, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai; Điều 29 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2010

1/ Về nội dung:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về yêu cầu ông Võ Ngọc T trả lại số tiền bồi thường.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

Hủy một phần Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho ông Võ Ngọc A để thu hồi đất xây dựng công trình đường Tỉnh 907, đối với phần đất diện tích 85 m^2 thuộc tách thửa 454 do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bị đơn Võ Ngọc T, chị Võ Phương T, Nguyễn Chí T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà tạm trả lại diện tích đất 27,5 m^2 thuộc tách thửa 106-1 (454-1), tờ bản đồ số 5(1) cho Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị H sử dụng, phần đất tọa lạc ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 21/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường kèm theo.

Buộc ông Võ Ngọc A trả lại số tiền bồi thường 13.940.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H sở hữu.

2/ Về chi phí tố tụng:

Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm số tiền 3.870.000 đồng, ông K đã tạm nộp số tiền này xong. Nên buộc ông T, anh T, chị T liên đới chịu số tiền này và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông K.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Bị đơn Võ Ngọc T chịu số tiền 1.957.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Bị đơn Võ Ngọc T đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

3/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Ngọc T và Võ Phương T, Nguyễn Chí T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên phần đất bị buộc trả số tiền 309.300đ (Ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông A thuộc trường hợp người cao tuổi.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông K 300.000 đồng, theo các lai thu số 0012742 ngày 06/01/2016 số tiền 100.000 đồng và lai thu số 0013021 ngày 12/5/2016 số tiền 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn Võ Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông T đã nộp 300.000 đồng ngày 16/4/2018 theo lai thu số 0014569 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên được khấu trừ. Ông T không phải nộp tiếp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông A, bà M thuộc trường hợp người cao tuổi và bà K thuộc trường hợp thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND HTÔ: 01b;
- CC THADS HTÔ: 01b;
- Các đs: 09b;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Minh Tâm